TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Môn học: Đất nước học Áo - Thụy Sĩ (61GER4SAS) **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, ngày 30/10/2024 Phòng thi: 608C

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Thi [60%]	Điểm thi	Ký tên	Ghi chú
1	4SAS-01	2007050002	Bùi Đinh Thị Ngọc	**Anh**				
2	4SAS-02	2107050002	Đào Tuấn	**Anh**				
3	4SAS-03	2107050004	Đỗ Phương	**Anh**				
4	4SAS-04	2107050006	Hà Phương	**Anh**				
5	4SAS-05	2007050006	Lê Quỳnh	**Anh**				
6	4SAS-06	2107050007	Nguyễn Phương	**Anh**				
7	4SAS-07	2107050008	Nguyễn Phương	**Anh**				
8	4SAS-08	2107050012	Phạm Ngọc	**Anh**				
9	4SAS-09	2107050016	Đoàn Trọng	**Bình**				
10	4SAS-10	2107050018	Nguyễn Quỳnh	**Chi**				
11	4SAS-11	2007050026	Nguyễn Bùi Hoàng	**Diệp**				
12	4SAS-12	2007050027	Nguyễn Thị Huyền	**Dịu**				
13	4SAS-13	2107050028	Nguyễn Viết	**Dương**				
14	4SAS-14	2207050023	Đặng Tiến	**Đạt**				
15	4SAS-15	2007050036	Nguyễn Hương	**Giang**				
16	4SAS-16	2007050037	Nguyễn Hương	**Giang**				
17	4SAS-17	2107050030	Nguyễn Thị	**Giang**				
18	4SAS-18	2007050041	Đỗ Thị Thu	**Hà**				
19	4SAS-19	2107050032	Nguyễn Thu	**Hà**				
20	4SAS-20	2107050033	Kim Thanh	**Hải**				
21	4SAS-21	2207050035	Dương Thị Lệ	**Hằng**				
22	4SAS-22	2107050034	Hoàng Thị	**Hằng**				
23	4SAS-23	2107050037	Nguyễn Thị	**Hậu**				
24	4SAS-24	2107050038	Ngô Thanh	**Hiền**				
25	4SAS-25	2107050041	Bùi Phương	**Hoa**				
26	4SAS-26	2107050042	Trần Thị Thanh	**Hoa**				
27	4SAS-27	2107050043	Triệu Thị	**Hòa**				
28	4SAS-28	2007050056	Lê Đào Thanh	**Hoan**				
29	4SAS-29	2107050044	Đào Minh	**Hùng**				

30	4SAS-30	2107050050	Nguyễn Thị Khánh	**Huyền**				
31	4SAS-31	2107050045	Đoàn Diệu	**Hương**				
32	4SAS-32	2207050053	Đỗ Thị Minh	**Khánh**				
33	4SAS-33	2007050069	Cao Lê Thùy	**Linh**				
34	4SAS-34	2107050055	Ngô Khánh	**Linh**				
35	4SAS-35	2007050072	Nguyễn Khánh	**Linh**				
36	4SAS-36	2107050058	Nguyễn Thị Kiều	**Linh**				
37	4SAS-37	2107050064	Nguyễn Thị Thùy	**Linh**				
38	4SAS-38	2007050075	Nguyễn Việt Phương	**Linh**				
39	4SAS-39	2007050081	Mầu Yến	**Ly**				
40	4SAS-40	2107050070	Phạm Quỳnh	**Mai**				
41	4SAS-41	2107050072	Nguyễn Tuệ	**Minh**				
42	4SAS-42	2107050073	Đặng Thị Trà	**My**				
43	4SAS-43	2207050081	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**				
44	4SAS-44	2107050081	Vũ Khánh	**Ngân**				
45	4SAS-45	2107050084	Phạm Thị Linh	**Ngọc**				
46	4SAS-46	2107050086	Hoàng Thu	**Nguyệt**				
47	4SAS-47	2107050088	Phạm Thị Linh	**Nhi**				
48	4SAS-48	2107050091	Hà Phong	**Như**				
49	4SAS-49	2107050093	Đỗ Thị Kim	**Oanh**				
50	4SAS-50	2207050098	Phạm Thị Lan	**Phương**				
51	4SAS-51	2107050097	Đỗ Thị Thanh	**Phượng**				
52	4SAS-52	2107050101	Hoàng Hải Hà	**Sinh**				
53	4SAS-53	2207050102	Phạm Phương	**Thanh**				
54	4SAS-54	2107050108	Lương Quang	**Thành**				
55	4SAS-55	2007050131	Bùi Phương	**Thảo**				
56	4SAS-56	2007050132	Đỗ Ngọc	**Thảo**				
57	4SAS-57	2107050116	Nguyễn Hương	**Thảo**				
58	4SAS-58	2107050114	Trần Thị	**Thảo**				
59	4SAS-59	2107050113	Trần Thị Phương	**Thảo**				
60	4SAS-60	2107050117	Phạm Đức	**Thịnh**				

DS thi: 60 Không đủ đk: 0 HA: 0 Đủ đk: 60 Dự thi: Bỏ thi: Tổng bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: CBCT 1: CBCT 2:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Môn học: Đất nước học Áo - Thụy Sĩ (61GER4SAS) **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, ngày 30/10/2024 Phòng thi: 612C

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Thi [60%]	Điểm thi	Ký tên	Ghi chú
1	4SAS-61	2107050118	Vũ Nguyễn Linh	**Thư**				
2	4SAS-62	2007050143	Nguyễn Quốc	**Toàn**				
3	4SAS-63	2107050124	Lê Phương	**Trang**				
4	4SAS-64	2107050125	Lê Thị Huyền	**Trang**				
5	4SAS-65	2107050128	Nguyễn Thị	**Trang**				
6	4SAS-66	2107050129	Nguyễn Thuỳ	**Trang**				
7	4SAS-67	2107050131	Dương Thị Lan	**Trinh**				
8	4SAS-68	2107050133	Vũ Kiều	**Trinh**				
9	4SAS-69	2107050136	Lã Vũ Hồng	**Vân**				
10	4SAS-70	2207050005	Lương Quỳnh	**Anh**				
11	4SAS-71	2107050010	Nguyễn Thị Kim	**Anh**				
12	4SAS-72	2107050011	Nguyễn Thị Tú	**Anh**				
13	4SAS-73	2107050013	Phạm Thị Châm	**Anh**				
14	4SAS-74	2107050014	Vũ Ngọc	**Anh**				
15	4SAS-75	2107050019	Nguyễn Thị Linh	**Chi**				
16		2107050020	Vũ Thị	**Chi**	HA	HA	HA	MT: Viết Hausarbeit (đang đi GIP)
17	4SAS-76	2107050023	Phạm Thị Thùy	**Dung**				
18	4SAS-77	2207050019	Nguyễn Viết Đình	**Duy**				
19	4SAS-78	2107050024	Lê Thị Thùy	**Dương**				
20	4SAS-79	2107050027	Trần Hoàng	**Dương**				
21	4SAS-80	2107050021	Vũ Thị	**Đào**				
22	4SAS-81	2107050029	Lê Thị Hương	**Giang**				
23	4SAS-82	2107050040	Nguyễn Trần Minh	**Hiếu**				
24	4SAS-83	2107050047	Ngô Quang	**Huy**				
25	4SAS-84	2007050064	Nghiêm Thị	**Huyên**				
26	4SAS-85	2007050061	Ngô Thảo	**Hương**				
27	4SAS-86	2107050051	Nguyễn Viết Gia	**Khánh**				
28	4SAS-87	2107050052	Bùi Khánh	**Linh**				
29	4SAS-88	2107050053	Lê Phương	**Linh**				

30		2107050056	Nguyễn Ái	**Linh**	HA	HA	HA	MT: Viết Hausarbeit (đang đi GIP)
31	4SAS-89	2107050057	Nguyễn Đỗ Hoài	**Linh**				
32	4SAS-90	2107050059	Nguyễn Thùy	**Linh**				
33	4SAS-91	2107050062	Trịnh Thị Đan	**Linh**				
34	4SAS-92	2107050063	Trịnh Thị Ngọc	**Linh**				
35	4SAS-93	2207050069	Vũ Phương	**Linh**				
36	4SAS-94	2207050072	Lê Thị Ngọc	**Mai**				
37	4SAS-95	2107050067	Nguyễn Thị Ngọc	**Mai**				
38	4SAS-96	2107050069	Nguyễn Thị Thanh	**Mai**				
39	4SAS-97	2107050071	Trịnh Ngọc Quỳnh	**Mai**				
40	4SAS-98	2107050074	Hứa Thảo	**My**				
41	4SAS-99	2107050075	Lê Huyền	**My**				
42	4SAS-100	2107050085	Đỗ Thảo	**Nguyên**				
43	4SAS-101	2007050107	Hoàng Thị Hương	**Nhi**				
44	4SAS-102	2107050087	Nguyễn Yến	**Nhi**				
45	4SAS-103	2107050094	Nguyễn Phương	**Oanh**				
46	4SAS-104	2007050116	Nguyễn Bích	**Phượng**				
47	4SAS-105	2007050117	Thân Thị Minh	**Phượng**				
48	4SAS-106	2107050099	Nguyễn Thu	**Quỳnh**				
49	4SAS-107	2107050103	Đỗ Minh	**Tâm**				
50	4SAS-108	2107050104	Lê Thanh	**Tâm**				
51	4SAS-109	2107050105	Nguyễn Thị	**Tâm**				
52	4SAS-110	2107050106	Đỗ Ngọc	**Thạch**				
53	4SAS-111	2107050107	Nguyễn Thị	**Thanh**				
54	4SAS-112	2107050110	Hoàng Bích	**Thảo**				
55	4SAS-113	2107050111	Nguyễn Phương	**Thảo**				
56	4SAS-114	2107050112	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**				
57	4SAS-115	2107050119	Trần Thị Hiền	**Thục**				
58	4SAS-116	2107050130	Tô Thùy	**Trang**				
59	4SAS-117	2107050134	Lê Duy	**Tùng**				
60	4SAS-118	2207050123	Nguyễn Thu Thảo	**Vi**				
61	4SAS-119	2207050124	Trần Anh	**Vũ**				

DS thi: 61 **Không đủ đk: 0** **HA: 02** **Đủ đk: 59** **Dự thi:** **Bỏ thi:** **Tổng bài thi:**

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: **CBCT 1:** **CBCT 2:**